TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 7 – 2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Đàm Thị Thanh Loan.

Ông: Phan Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2020, Thông báo (Về việc dời thời gian xét xử) số 62/TB-TA ngày 09/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số M, ấp A, xã Xà P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Vĩnh M, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2019 , trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày như sau:***

Tôi và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh B, huyện Ngã Năm (nay là phường 3, thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng vào ngày 25/8/2010. Quá trình chung sống thì vợ chồng tôi có hai con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/6/2011, Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/7/2005. Hiện hai con đang sống chung với anh T. Quá trình sống chung thì vợ chồng tôi không có tài sản chung cũng như không có nợ chung. Thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau này vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên cự cải và không hợp nhau về tính cách và vợ chồng tôi bắt đầu sống ly thân vào khoảng năm 2014 và tôi đã về nhà mẹ ruột ở số M, ấp A, xã Xà P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang sống cho đến nay.

Tại phiên Tòa hôm nay tôi yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Tôi đồng ý cho anh T nuôi con là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/6/2011, Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/7/2005 và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Tôi không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: xét thấy chị G và anh T sống chung có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên sau thời gian sống chung anh chị đã phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp được và đã không còn sống chung thời gian đã lâu các bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G, cho chị G ly hôn với anh T; về con chung: quá trình chung sống chị G và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/6/2011, Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/7/2005 hiện đang sống với anh T, thấy rằng từ khi ly thân hai cháu vẫn sống với anh T, 02 cháu cũng có nguyện vọng theo sống với anh T, chị G cũng đồng ý cho hai cháu sống với anh T nên đề nghị HĐXX tiếp tục giao hai con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. về cấp dưỡng nuôi con do anh T không ý kiến yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên Tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh B, huyện Ngã Năm (nay là phường 3, thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/8/2010. Thấy rằng, hôn nhân của chị G với anh T là hoàn toàn tự nguyện, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo chị G trình bày trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng chị thường hay cự cãi nên có nhiều mâu thuẫn và xung đột dẫn đến việc hai vợ chồng không thể nào chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Sau khi thụ lý Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh T không đến. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc chị G yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên việc chị G yêu cầu được ly hôn với anh T là hoàn toàn có cơ sở. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

[3] Con chung: Quá trình chung sống chị G, anh T có được 02 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/6/2011, Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/7/2005, hiện nay 02 con đang sống chung với anh T. Xét thấy, từ khi sinh ra đến khi vợ chồng chị G ly thân thì 02 con vẫn sống với anh T và chị G cũng đồng ý cho anh T nuôi 02 con, 02 cháu cũng muốn theo sống với anh T. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Đức và cháu Tài cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị G không ai có quyền ngăn cản chị thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Chị G và anh T không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận như đã phân tích trên.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G. Cho chị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/6/2011, Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/7/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị G không ai có quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 002874 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm; như vậy, chị G đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- *Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;*
- *VKSND thị xã Ngã Năm;*
- *Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;*
- *Các đương sự;*
- *UBND Phường 3, TX Ngã Năm;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Ngô Thị Mỹ Hạnh